

Bản án số: **04/2023/HNGĐ - ST**

Ngày: 10 - 01 - 2023

V/v “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan.

Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 2716/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022, về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 402/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Anh Th**, sinh năm 1986.

Hộ khẩu thường trú: 88/31/56 Nguyễn Sơn, phường Ph1, quận Ph, thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: Tổ 1, ấp 7, xã M, huyện C, thành phố H.

- Bị đơn: Ông **Ninh Hồng L**, sinh năm 1984.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 13, khu phố 5A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

(Bà Th và ông L có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2022, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nguyên đơn bà Trần Thị Anh Th trình bày:

Bà và ông Ninh Hồng L tự nguyện đến với nhau vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố P, tỉnh G. Đã được Ủy ban nhân dân phường D, thành phố P, tỉnh G cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/3/2013.

Sau khi kết hôn bà và ông Ninh Hồng L chung sống với nhau tại địa chỉ: Tổ 13, khu phố 5A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ được 04 năm sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bà và ông Ninh Hồng L sống ly thân từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn, bà xin được ly hôn với ông Ninh Hồng L.

Về con chung: Quá trình vợ chồng chung sống bà và ông Ninh Hồng L có 02 con chung cháu Ninh Thiên Tr, sinh ngày 20/02/2014 và cháu Ninh An L1, sinh ngày 27/10/2017. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ninh Thiên Tr, sinh ngày 20/02/2014 và cháu Ninh An L1, sinh ngày 27/10/2017. Bà không yêu cầu ông Ninh Hồng L cấp dưỡng nuôi hai con chung. Hiện nay, bà đang làm việc tại xưởng sản xuất bao tay của gia đình, thu nhập hàng tháng từ 25.000.000đồng đến 50.000.000đồng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Tại bản tự khai đề ngày 09/11/2022 bị đơn ông Ninh Hồng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Anh Th xin ly hôn với ông Ninh Hồng L.

Về con chung: Có 02 con chung cháu Ninh Thiên Tr, sinh ngày 20/02/2014 và cháu Ninh An L1, sinh ngày 27/10/2017. Bà Trần Thị Anh Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ninh Thiên Tr, sinh ngày 20/02/2014 và cháu Ninh An L1, sinh ngày 27/10/2017. Bà Trần Thị Anh Th không yêu cầu ông Ninh Hồng L cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ông Ninh Hồng L đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Anh Th. Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Anh Th.

Sau khi ly hôn ông vẫn có quyền thăm non, chăm sóc con chung cháu Ninh Thiên Tr, sinh ngày 20/02/2014 và cháu Ninh An L1, sinh ngày 27/10/2017. Do bận công việc, ông Ninh Hồng L xin được vắng mặt tại các buổi làm việc và các phiên tòa xét xử.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án:

Bà Trần Thị Anh Th và ông Ninh Hồng L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố P, tỉnh G. Đã được Ủy ban nhân dân phường D, thành phố P, tỉnh G cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/3/2013. Hôn nhân của bà Trần Thị Anh Th và ông Ninh Hồng L là tự nguyện.

Bà Trần Thị Anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin ly hôn với ông Ninh Hồng L. Ông Ninh Hồng L đã nộp bản tự khai và đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Anh Th, không đến Tòa án hòa giải đoàn tụ về yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Anh Th. Xác minh mâu thuẫn gia đình tại địa phương cho biết quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Anh Th và ông Ninh Hồng L địa phương không nắm rõ, bà Th và ông L không có yêu cầu hòa giải. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Anh Th, bà Trần Thị Anh Th được ly hôn với ông Ninh Hồng L.

Về con chung: Bà Trần Thị Anh Th và ông Ninh Hồng L có 02 con chung cháu Ninh Thiên Tr, sinh ngày 20/02/2014 và cháu Ninh An L1, sinh ngày 27/10/2017. Ly hôn, bà Trần Thị Anh Th có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ninh Thiên Tr, sinh ngày 20/02/2014 và cháu Ninh An L1, sinh ngày 27/10/2017. Bà Trần Thị Anh Th không yêu cầu ông Ninh Hồng L cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai ngày 15/11/2022 cháu Ninh Thiên Tr có nguyện vọng sống với bà Trần Thị Anh Th. Tại bản tự khai ông Ninh Hồng L đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Anh Th. Vì vậy, giao con chung cháu Ninh Thiên Tr, sinh ngày 20/02/2014 và cháu Ninh An L1, sinh ngày 27/10/2017 cho bà Trần Thị Anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Ninh Hồng L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 9, 10, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 81, 82, 83, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Anh Th, bà Trần Thị Anh Th được ly hôn ông Ninh Hồng L.

Về con chung: Giao con chung cháu Ninh Thiên Tr, sinh ngày 20/02/2014 và cháu Ninh An L1, sinh ngày 27/10/2017 cho bà Trần Thị Anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Ninh Hồng L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị Anh Th phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 15/11/2022, bà Trần Thị Anh Th có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt bà Trần Thị Anh Th theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 15/12/2022, ông Ninh Hồng L có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt ông Ninh Hồng L theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Anh Th và ông Ninh Hồng L kết hôn vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố P, tỉnh G. Đã được Ủy ban nhân dân phường D, thành phố P, tỉnh G cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/3/2013 đúng theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Trần Thị Anh Th trình bày sau khi kết hôn bà và ông Ninh Hồng L chung sống hạnh phúc với nhau được 04 năm sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 01 năm 2017 bà Th và ông L sống ly thân cho đến nay. Bà Trần Thị Anh Th xác định tình cảm không còn, bà Trần Thị Anh Th xin được ly hôn với ông Ninh Hồng L.

Theo ông Ninh Hồng L trình bày ông đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Anh Th và đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Anh Th.

Tại biên bản xác minh ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B: Đại diện Ủy ban nhân dân phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đ cung cấp: Bà Trần Thị Anh Th và ông Ninh Hồng L quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được vì bà Trần Thị Anh Th và ông Ninh Hồng L không báo địa phương biết để hòa giải mâu thuẫn.

Xét mâu thuẫn giữa bà Trần Thị Anh Th và ông Ninh Hồng L đã xảy ra, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại bản tự khai ngày 09/11/2022 ông Ninh Hồng L đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Anh Th. Nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị Anh Th và ông Ninh Hồng L có 02 con chung cháu Ninh Thiên Tr, sinh ngày 20/02/2014 và cháu Ninh An L1, sinh ngày 27/10/2017. Ly hôn, bà Trần Thị Anh Th có nguyện vọng được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ninh Thiên Tr, sinh ngày 20/02/2014 và cháu Ninh An L1, sinh ngày 27/10/2017. Bà Trần Thị Anh Th không yêu cầu ông Ninh Hồng L cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai ngày 09/11/2022 ông Ninh Hồng L đồng ý với yêu cầu của bà Trần Thị Anh Th.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án án quyết định

giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Tại bản tự khai ngày 15/11/2022, cháu Ninh Thiên Tr, sinh ngày 20/02/2014 có nguyện vọng sống với bà Trần Thị Anh Th.

Vì vậy, giao con chung cháu Ninh Thiên Tr, sinh ngày 20/02/2014 và cháu Ninh An L1, sinh ngày 27/10/2017 cho bà Trần Thị Anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Ninh Hồng L không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Ông Ninh Hồng L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Anh Th và ông Ninh Hồng L không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị Anh Th phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B về việc giải quyết tranh chấp và nghĩa vụ chịu án phí của bà Trần Thị Anh Th là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 203, 220, 227, khoản 1 Điều 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng Điều 51, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

TUYÊN XỬ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Anh Th đối với ông Ninh Hồng L về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Anh Th và ông Ninh Hồng L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Trần Thị Anh Th và ông Ninh Hồng L có 02 con chung cháu Ninh Thiên Tr, sinh ngày 20/02/2014 và cháu Ninh An L1, sinh ngày 27/10/2017.

Giao con chung cháu Ninh Thiên Tr, sinh ngày 20/02/2014 và cháu Ninh An L1, sinh ngày 27/10/2017 cho bà Trần Thị Anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Ninh Hồng L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Ninh Hồng L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Trần Thị Anh Th và ông Ninh Hồng L không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị Anh Th phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm bà Trần Thị Anh Th nộp theo biên lai số 0004370 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ được tính trừ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà Trần Thị Anh Th và ông Ninh Hồng L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ (2);
- THA thành phố B (2);
- VKSND thành phố B (2);
- Đương sự (2);
- UBND phường D,
thành phố P, tỉnh G (1);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Dung